



Ngày nhận bài: 11/02/2026; Ngày thẩm định: 03/3/2026; Ngày duyệt đăng: 15/3/2026.

CƠ SỞ THUỘC ĐIỆN QUẢN LÝ VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM: BẢN CHẤT PHÁP LÝ, SO SÁNH QUỐC TẾ VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN

Đại tá, PGS, TS ĐÀO HỮU DÂN

Nguyên Trưởng Khoa Nghiệp vụ cơ bản, Trường Đại học PCCC

*Tác giả liên hệ: Đào Hữu Dân (Email: danbm3@gmail.com)

Tóm tắt: Bài viết tiếp cận khái niệm “cơ sở thuộc điện quản lý về phòng cháy, chữa cháy” trong pháp luật Việt Nam. Phân tích bản chất pháp lý, so sánh với cách tiếp cận trong pháp luật phòng cháy, chữa cháy của một số nước phát triển, từ đó đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật về phòng cháy, chữa cháy (PCCC) ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: cơ sở phòng cháy, chữa cháy, đối tượng quản lý phòng cháy, chữa cháy.

Abstract: This article examines the concept of "facilities subject to fire prevention and fighting management" in Vietnamese law. It analyzes the legal nature of these facilities, compares them with the approaches in fire prevention and fighting laws of some developed countries, and proposes guidelines to improve Vietnam's current legal framework for fire prevention and fighting.

Keywords: fire prevention and fighting facilities; subjects of fire prevention and fighting management.

1. Đặt vấn đề

Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001 và Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) năm 2024 đều xác định “cơ sở thuộc điện quản lý về PCCC” là đối tượng trung tâm của quản lý nhà nước trong lĩnh vực này. Trên nền tảng đó, hệ thống văn bản dưới luật đã xây dựng Danh mục cơ sở, phân cấp thẩm quyền quản lý và thiết lập cơ chế trách nhiệm của chủ cơ sở, chủ hộ gia đình và cá nhân có liên quan.

Tuy nhiên, khái niệm này còn gây tranh luận về bản chất pháp lý và hiệu quả vận hành trong thực tiễn áp dụng. Bài viết tập trung làm sáng rõ nội hàm khái niệm “cơ sở”, so sánh với cách tiếp cận pháp luật PCCC ở một số nước và đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật phù hợp với điều kiện quản lý hiện nay.

2. Khái niệm và bản chất pháp lý của “Cơ sở thuộc điện quản lý về PCCC”

Tại Khoản 7, Điều 2 Luật PCCC&CNCH quy định: “Cơ sở thuộc điện quản lý về PCCC là nhà, công trình, địa điểm được sử dụng để ở, sản xuất, kinh doanh, hoạt động thương mại, làm việc hoặc mục đích khác, được xây dựng, hoạt động theo quy định của pháp luật thuộc danh mục do Chính phủ quy định. Trong một cơ quan, tổ chức có thể có một hoặc nhiều cơ sở; trong một cơ sở có thể có một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức” [1]. Theo đó, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ đã ban hành Danh mục cơ sở thuộc điện quản lý về PCCC (Phụ lục I) và Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ tại Phụ lục II [2].

Khái niệm cơ sở được thiết kế không bó hẹp vào một loại hình pháp lý cụ thể (doanh nghiệp, cơ quan, hộ gia đình) mà dựa vào mục đích sử dụng thực tế:

dùng để ở, sản xuất, kinh doanh, làm việc và các mục đích khác. Đồng thời cũng phù hợp với thực tiễn quản lý đa chủ thể trong trường hợp “một cơ sở có thể có một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức” như các cơ sở trong khu công nghiệp, trung tâm thương mại, nhà đa năng, là một điểm tiến bộ rõ rệt so với tư duy quản lý cứng nhắc trước đây; tạo cơ sở pháp lý cho việc phân định trách nhiệm PCCC theo phạm vi quản lý thực tế, không thuần túy theo tư cách pháp nhân.

Các quy định về Danh mục cơ sở, Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ đã tạo điều kiện cho phân cấp quản lý về PCCC giữa cơ quan Công an với Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã và các lực lượng khác, giúp giảm tải cho lực lượng Công an, phát huy vai trò quản lý của chính quyền cơ sở, tăng tính chủ động trong công tác phòng ngừa, chủ động xử lý khi có cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra.

Bản chất pháp lý của “cơ sở” trong pháp luật PCCC: *Cơ sở không phải là khái niệm kỹ thuật thuần túy được xác lập trên các tiêu chí chuyên môn PCCC, mà là khái niệm pháp lý – quản lý, trong đó các yêu cầu kỹ thuật PCCC được tích hợp nhằm xác lập phạm vi trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể quản lý, sử dụng.*

Trước hết, cần khẳng định rằng “cơ sở” không phải là khái niệm kỹ thuật thuần túy của lĩnh vực PCCC. Không giống như các khái niệm chuyên môn như: công trình xây dựng, nhà ở, hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy, bậc chịu lửa hay tải trọng cháy ... vốn được xác lập trên cơ sở các tiêu chí kỹ thuật, thông số chuyên ngành và được chuẩn hóa thông qua hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, khái niệm “Cơ sở” không có nội hàm kỹ thuật độc lập, cũng không được xác định bằng các thông số chuyên môn riêng biệt. Tuy nhiên, việc “Cơ sở” không phải là khái niệm kỹ thuật thuần túy không đồng nghĩa với việc nó đứng ngoài hoặc tách rời các yêu cầu kỹ thuật PCCC. Trái lại, các quy định tại các Điều 19 (Phòng cháy đối với công trình xây dựng trong quá trình thi công), Điều 20 (Phòng cháy đối với nhà ở), Điều 21 (Phòng cháy đối với nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh), Điều 22 (Phòng cháy đối với phương tiện giao thông) và Điều 23 (Phòng cháy đối với cơ sở) trong Luật PCCC

và CNCH [1] đã cho thấy pháp luật PCCC Việt Nam gắn chặt “Cơ sở” với các quy định về điều kiện an toàn về PCCC, buộc phải bảo đảm và duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Các yêu cầu này không chỉ về mặt tổ chức quản lý mà là các yêu cầu về kỹ thuật, được quy định trong các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về PCCC.

Điểm then chốt nằm ở chỗ pháp luật không sử dụng “Cơ sở” để phân loại đối tượng theo các tiêu chí kỹ thuật, mà sử dụng “cơ sở” như một đơn vị quản lý - pháp lý nhằm tích hợp và vận hành các yêu cầu kỹ thuật đó trong thực tiễn. Nói cách khác, các yếu tố kỹ thuật PCCC là đối tượng được điều chỉnh, trong khi “Cơ sở” là điểm xuất phát để xác lập trách nhiệm pháp lý và nghĩa vụ của chủ thể quản lý, sử dụng. Các điều kiện về PCCC đối với nhà, công trình... chỉ phát sinh và được gắn trách nhiệm pháp lý khi chúng trở thành cơ sở thuộc diện quản lý.

Việc lựa chọn “Cơ sở” làm đơn vị trung tâm của quản lý nhà nước về PCCC cho phép pháp luật Việt Nam không chỉ kiểm soát các điều kiện kỹ thuật an toàn, mà còn xác định rõ trách nhiệm của chủ cơ sở, người đứng đầu, chủ hộ gia đình hoặc cá nhân có liên quan trong suốt vòng đời hoạt động của đối tượng được quản lý.

Cách tiếp cận này phản ánh đặc trưng của pháp luật PCCC Việt Nam: điều chỉnh kỹ thuật thông qua thiết chế pháp lý, thay vì điều chỉnh kỹ thuật một cách thuần túy, qua đó bảo đảm sự gắn kết giữa yêu cầu an toàn cháy, nổ và cơ chế trách nhiệm pháp lý trong quản lý nhà nước về PCCC.

Tuy nhiên, khái niệm “Cơ sở” trong Luật PCCC&CNCH đã bộc lộ những hạn chế sau:

Thứ nhất, nó là một khái niệm khung, phụ thuộc lớn vào danh mục “Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC” do Chính phủ quy định, nếu danh mục chậm sửa đổi sẽ dẫn đến bỏ sót đối tượng quản lý; nếu danh mục liệt kê “quá cứng” sẽ khó xử lý các mô hình mới phát sinh.

Thứ hai, có nguy cơ “hành chính hóa” việc quản lý nhà nước về PCCC theo danh mục, việc chia cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ do cơ quan Công an quản lý, cơ sở còn lại do UBND cấp xã quản lý, tản xuất

thực hiện công tác kiểm tra PCCC đều thực hiện theo mức độ nguy hiểm cháy, nổ do Nghị định đã quy định mà không tính đến mức độ nguy cơ xảy ra cháy, nổ đang tồn tại trên thực tế đối với mỗi cơ sở như thế nào. Mặt khác, việc chia danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thành hai nhóm (nhóm 1 và nhóm 2) theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ là bước tiến trong tư duy phân loại và phân cấp quản lý PCCC. Tuy nhiên, cách tiếp cận này vẫn mang tính chất tĩnh, chưa phản ánh đầy đủ mức độ nguy hiểm cháy, nổ trong quá trình vận hành thực tế (việc đánh giá mức độ nguy hiểm cháy, nổ đáng lẽ phải dựa trên quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về PCCC nhưng các quy chuẩn, tiêu chuẩn mới chỉ chủ yếu được sử dụng trong giai đoạn thẩm định, kiểm tra công trình mà chưa hình thành cơ chế pháp lý gắn kết chặt chẽ giữa kết quả áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn với chế độ quản lý của cơ quan nhà nước đối với cơ sở) do vậy càng khiến cho công tác quản lý mang tính hành chính chứ không phải là quá trình liên tục gắn với sự thay đổi trên thực tế của cơ sở.

3. So sánh với cách tiếp cận trong pháp luật PCCC của một số nước phát triển

Nếu như pháp luật PCCC Việt Nam lấy “Cơ sở” là khái niệm trung tâm và việc áp dụng các biện pháp quản lý dựa trên danh mục cơ sở và phân loại cơ sở theo quy định của Chính phủ, thì tại một số quốc gia phát triển, pháp luật về PCCC có cách tiếp cận quản lý khác với Việt Nam.

Tại Vương quốc Anh: pháp luật PCCC của Anh chủ yếu dựa trên The Regulatory Reform (Fire Safety) Order 2005, áp dụng cho các Premises (địa điểm). Đặc trưng của pháp luật Anh là xác định “Responsible Person”, tức người có trách nhiệm an toàn PCCC, trong đó: chủ sở hữu, người kiểm soát hoặc người quản lý Premises phải thực hiện đánh giá rủi ro cháy và bảo đảm các biện pháp phòng cháy phù hợp; nghĩa vụ này được gắn trực tiếp với hành vi kiểm soát, việc sử dụng premises, không gắn với một danh mục hành chính cố định [3].

Cách tiếp cận này chuyển trọng tâm từ “đối tượng PCCC” sang chủ thể chịu trách nhiệm pháp lý rõ ràng và đo lường được theo từng thời điểm kiểm soát.

Tại Hoa Kỳ: không tồn tại khái niệm “Cơ sở thuộc diện quản lý PCCC”. Đặc điểm cốt lõi là áp dụng các tiêu chuẩn PCCC, tiêu chuẩn về xây dựng (Fire Code và Building Code) cho mọi công trình, không phân biệt có thuộc diện hay không thuộc diện quản lý. Điểm khác nhau chỉ ở: mức độ yêu cầu Tiêu chuẩn áp dụng (NFPA, IBC...). Cách tiếp cận của NFPA là không phân loại “cơ sở nguy hiểm cháy” theo nghĩa hành chính mà thay vào đó sử dụng: Occupancy classification (phân loại công năng sử dụng), Hazard classification (mức nguy hiểm của vật liệu, quá trình) [7].

Tại Đức và nhiều nước EU: quản lý PCCC dựa trên xác định mức độ nguy cơ cháy, nổ theo nguyên tắc “nguy cơ – tương xứng”. Đặc trưng trong pháp luật về PCCC: không có khái niệm “Cơ sở thuộc diện quản lý PCCC” mà thay bằng nghĩa vụ bảo đảm an toàn cháy cho mọi công trình. Cơ quan nhà nước không “chọn” cơ sở để quản lý mà kiểm soát thông qua tiêu chuẩn xây dựng, trách nhiệm của chủ sở hữu.

Tại Nhật Bản: quy định việc quản lý PCCC dựa trên sự tích hợp công trình, công năng và sự nguy hiểm. Đạo luật Dịch vụ phòng cháy (Fire Service Act) đặt trọng tâm vào việc phòng cháy và bảo vệ tính mạng, tài sản của người dân, nhưng không xây dựng danh mục cơ sở như ở Việt Nam. Luật không giới hạn đối tượng quản lý, mọi công trình đều phải có nghĩa vụ phòng cháy tối thiểu, nghĩa vụ tăng dần theo diện tích, chiều cao, số người, mức độ nguy hiểm cháy, nổ của công trình [4].

Tại Singapore: Luật PCCC năm 1993 (Fire Safety Act 1993) dùng khái niệm “Premises” hay “building” để chỉ địa điểm chịu trách nhiệm an toàn cháy. Luật bắt buộc chủ sở hữu và người thuê quản lý phải tuân thủ các biện pháp phòng cháy, trong nhiều trường hợp phải trung dụng fire safety manager (người quản lý an toàn cháy) cho tòa nhà hoặc premises. Luật Singapore gắn trách nhiệm và chế tài trực tiếp với địa điểm và người chịu quyền kiểm soát về an toàn cháy, thay vì quản lý theo danh mục kiểu hành chính [5].

Qua nghiên cứu pháp luật PCCC của một số quốc gia phát triển cho thấy: pháp luật PCCC hiện đại

không quản lý cháy, nổ thuần túy thông qua các đối tượng kỹ thuật, mà luôn gắn các đối tượng đó với một đơn vị chịu trách nhiệm pháp lý cụ thể. Khác với Việt Nam, các quốc gia này không xây dựng một khái niệm pháp lý thống nhất mang tên “Cơ sở” như một đơn vị quản lý bao trùm, thay vào đó, họ xác định ai kiểm soát nguy cơ cháy, nổ và đánh giá, phân loại trách nhiệm pháp lý của họ theo từng thời điểm thực tế. Suy rộng ra, pháp luật PCCC cần gắn trách nhiệm pháp lý không chỉ với việc cơ sở có thuộc diện quản lý hay không, mà với hành vi của các chủ thể trong quá trình hình thành và duy trì điều kiện an toàn PCCC. Điều này giúp tránh tình trạng trách nhiệm được phân định cứng nhắc chỉ theo danh mục, tăng tính chủ động, cá thể hóa trách nhiệm, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc đánh giá, kiểm tra và xử lý vi phạm. Đây là tư duy quan trọng mà Việt Nam có thể tiếp cận trong hoàn thiện pháp luật PCCC.

4. Một số kiến nghị

Trong bối cảnh Luật PCCC&CNCH năm 2024 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành đang trong giai đoạn đầu của việc triển khai thực hiện, việc đề xuất chuyển đổi mô hình quản lý nhà nước về PCCC theo hướng quản lý rủi ro cháy, nổ là chưa có đủ cơ sở pháp lý và điều kiện thực tiễn. Do đó, yêu cầu hoàn thiện pháp luật trong giai đoạn hiện nay cần được tiếp cận theo hướng thận trọng, khả thi, không nên tập trung vào việc định nghĩa lại khái niệm “cơ sở” hay chuyển ngay sang quản trị rủi ro cháy, nổ, mà cần đổi mới phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả vận hành các thiết chế pháp lý đã có. Theo đó:

Một là, cần từng bước chuẩn hóa trách nhiệm pháp lý gắn với quá trình kiểm soát nguy cơ cháy, nổ trong các văn bản dưới luật. Thay vì chỉ quy định trách nhiệm pháp lý tập trung cho người đứng đầu, pháp luật cần thể hiện rõ trình tự thực hiện trách nhiệm pháp lý gắn với giai đoạn đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng, vận hành, thay đổi công năng cho đến chấm dứt hoạt động của cơ sở. Cách tiếp cận này không làm phát sinh nghĩa vụ mới, nhưng giúp liên kết các trách nhiệm hiện có thành một tiến trình trách nhiệm liên tục, thuận lợi cho việc theo dõi, kiểm tra và xử lý vi phạm. Theo đó, danh mục cơ sở và việc

phân nhóm cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ chỉ nên được coi là điểm khởi đầu của quản lý nhà nước, còn trọng tâm cần chuyển sang việc đánh giá và giám sát khả năng kiểm soát nguy cơ cháy, nổ trong quá trình hoạt động thực tế. Cách tiếp cận này đòi hỏi pháp luật PCCC phải coi việc tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là nền tảng để xác định và điều chỉnh trách nhiệm pháp lý, thay vì chỉ là yêu cầu kỹ thuật mang tính hình thức. Khi mức độ kiểm soát nguy cơ cháy, nổ được đặt ở vị trí trung tâm, quản lý nhà nước về PCCC mới thực sự hướng tới mục tiêu phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại, thay vì chỉ phản ứng sau khi sự cố đã xảy ra. Như vậy, việc tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật PCCC không chỉ là yêu cầu kỹ thuật tại thời điểm thẩm duyệt hoặc nghiệm thu, mà là nghĩa vụ pháp lý phải được duy trì trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở. Theo hướng này, trách nhiệm pháp lý của chủ cơ sở và các chủ thể khác có liên quan được xác định gắn với quá trình kiểm soát nguy cơ cháy, nổ, thể hiện ở việc duy trì các điều kiện an toàn PCCC theo chuẩn mực kỹ thuật đã được xác lập.

Khi cơ sở thay đổi công năng sử dụng, gia tăng mật độ người, vật liệu dễ cháy hoặc không bảo đảm các yêu cầu về bậc chịu lửa, ngăn cháy, thoát nạn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, thì mức độ trách nhiệm pháp lý của chủ thể quản lý phải được xem xét tương ứng, kể cả trong trường hợp cơ sở không thay đổi nhóm phân loại theo Phụ lục II.

Thứ hai, cần nâng cao giá trị pháp lý của hồ sơ về PCCC, CNCH của cơ sở như một công cụ pháp lý trung gian. Hồ sơ này không chỉ phản ánh tình trạng kỹ thuật của cơ sở tại một thời điểm nhất định, mà cần ghi nhận xuyên suốt quá trình tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn, kết quả kiểm tra, bảo trì, cũng như các thay đổi liên quan đến công năng và điều kiện an toàn về PCCC. Trong trường hợp xảy ra cháy, nổ, hồ sơ về PCCC, CNCH trở thành căn cứ quan trọng để đánh giá việc thực hiện trách nhiệm pháp lý của các chủ thể liên quan. Việc chuẩn hóa và số hóa hồ sơ PCCC, CNCH không chỉ phục vụ công tác quản lý hành chính mà còn góp phần làm rõ trách nhiệm pháp lý theo quá trình kiểm soát nguy cơ cháy, nổ, từ đó nâng cao hiệu quả phòng ngừa và xử lý vi phạm trong lĩnh

vực PCCC. Theo đó, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH cần phải nghiên cứu, đề xuất bổ sung quy định trong Điều 4 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP về nội dung tài liệu có trong hồ sơ, phương thức quản lý, cập nhật và chế độ thông tin báo cáo với cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH qua Hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy.

Thứ ba, từng bước hoàn thiện quy định về phân loại cơ sở theo hướng mở và linh hoạt. Như đã phân tích ở các phần trên, việc phân chia cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thành hai nhóm tại Phụ lục II Nghị định số 105/2025/NĐ-CP là cần thiết nhưng chưa đủ. Pháp luật PCCC Việt Nam cần tiếp cận việc phân loại cơ sở theo hướng mở, coi danh mục và phân nhóm hiện hành là khung quản lý ban đầu, thay vì là căn cứ duy nhất và cố định để xác định chế độ quản lý. Theo đó, cần bổ sung cơ chế pháp lý cho phép điều chỉnh mức độ quản lý đối với từng cơ sở dựa trên tình trạng thực tế về việc duy trì điều kiện an toàn PCCC. Việc điều chỉnh này không nhằm thay đổi danh mục cơ sở, mà nhằm làm rõ rằng cùng một loại hình cơ sở có thể có các yêu cầu quản lý khác nhau tùy thuộc vào mức độ kiểm soát nguy cơ cháy, nổ trong quá trình hoạt động. Cách tiếp cận này phù hợp với bản chất biến động của nguy cơ cháy, nổ và góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa. Các tiêu chí kỹ thuật như bậc chịu lửa, hạng nguy hiểm cháy, nổ, tải trọng cháy không nên chỉ được sử dụng trong giai đoạn thẩm duyệt và nghiệm thu, mà cần được xem là căn cứ để đánh giá mức độ tuân thủ và điều chỉnh chế độ quản lý trong suốt vòng đời hoạt động của cơ sở. Đồng thời, việc hoàn thiện pháp luật PCCC cần hướng tới nâng cao hiệu quả phòng ngừa bằng cách xây dựng cơ chế quản lý dựa trên mức độ tuân thủ điều kiện an toàn PCCC của từng cơ sở. Theo đó, các cơ sở duy trì tốt điều kiện an toàn, tuân thủ đầy đủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có thể được áp dụng chế độ quản lý phù hợp, tránh gây quá tải về thủ tục hành chính. Ngược lại, các cơ sở không bảo đảm điều kiện an toàn cần được đưa vào diện giám sát chặt chẽ hơn.

5. Kết luận

Khái niệm “Cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy” giữ vai trò trung tâm trong cấu trúc

pháp luật PCCC Việt Nam, vừa là căn cứ xác định phạm vi quản lý nhà nước, vừa là điểm gắn kết các yêu cầu kỹ thuật an toàn cháy, nổ với trách nhiệm pháp lý của các chủ thể có liên quan. Qua phân tích cho thấy, “Cơ sở” không phải là khái niệm kỹ thuật thuần túy, nhưng cũng không thể bị hiểu đơn giản như một danh mục hành chính, mà là một khái niệm pháp lý – quản lý mang tính tích hợp, được xây dựng trên nền tảng các đối tượng kỹ thuật và yêu cầu kỹ thuật PCCC nhằm phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước và cá thể hóa trách nhiệm. So sánh với pháp luật PCCC của một số quốc gia cho thấy, xu hướng chung của quản lý PCCC hiện đại là dịch chuyển từ việc xác định đối tượng quản lý sang việc tổ chức và vận hành chuỗi trách nhiệm pháp lý gắn với hành vi kiểm soát thực tế đối với nguy cơ cháy, nổ. Trong bối cảnh đó, mô hình quản lý theo “cơ sở” của Việt Nam vừa thể hiện những ưu điểm nhất định về mặt tổ chức và phân cấp quản lý, vừa bộc lộ những hạn chế khi chưa làm rõ và vận hành đầy đủ tính liên tục của trách nhiệm PCCC trong suốt quá trình hoạt động. Từ góc độ hoàn thiện pháp luật, bài viết cho rằng yêu cầu đặt ra hiện nay không phải là thay thế hay phủ định khái niệm “Cơ sở”, mà là nâng cấp cách thức vận hành khái niệm này theo hướng gắn chặt hơn trách nhiệm pháp lý với quá trình kiểm soát nguy cơ cháy, nổ. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm tính ổn định của hệ thống pháp luật PCCC, vừa tạo dư địa cho việc tiếp thu có chọn lọc các kinh nghiệm quốc tế, phù hợp với điều kiện thực tiễn quản lý và yêu cầu bảo đảm an toàn cháy, nổ trong giai đoạn phát triển hiện nay. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2024), *Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.
2. Chính phủ (2025), *Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.
3. Government of the United Kingdom (2005), *The Regulatory Reform (Fire Safety) Order 2005* (SI 2005/1541). <https://www.legislation.gov.uk/ukxi/2005/1541/contents>

4. Japan Ministry of Justice (1948), *Fire Service Act* (Act No. 186 of 1948). Japanese Law Translation.
<https://www.japaneselawtranslation.go.jp>

5. Republic of Singapore (1993), *Fire Safety Act* (Chapter 109). Singapore Statutes Online.
<https://sso.agc.gov.sg/Act/FSA1993>

6. United States Congress (1974), *Federal Fire Prevention and Control Act of 1974*.
<https://www.govinfo.gov>

7. National Fire Protection Association. (2018).
NFPA 101: Life Safety Code. NFPA.